

Số: **80/2018/QĐST-VHNGĐ**

S, ngày 20 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân và gia đình số 80/2018/TLST-VHNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2018, giữa:

- Bà **Lê Thị Hồng M** ; địa chỉ: Số LK 13-39, KDC M, đường D, khóm H, phường M, thành phố S, tỉnh S.

- Ông **Thạch Q**; địa chỉ: Số LK 13-39, KDC M, đường D, khóm H, phường M, thành phố S, tỉnh S.

Căn cứ vào Điều **212** và Điều **213, khoản 4 Điều 397** của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1). Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Bà **Lê Thị Hồng M** ; địa chỉ: Số LK 13-39, KDC M, đường D, khóm H, phường M, thành phố S, tỉnh S.

- Ông **Thạch Q**; địa chỉ: Số LK 13-39, KDC M, đường D, khóm H, phường M, thành phố S, tỉnh S.

2). Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1). Về quan hệ hôn nhân: Công nhận cho bà Lê Thị Hồng M và ông Thạch Q được thuận tình ly hôn.

2.1). Về con chung: Bà Lê Thị Hồng M và ông Thạch Q tự khai có một người con chung tên Thạch Lê Quý, sinh ngày 11/5/2014. Sau khi ly hôn bà Mai và ông Quên thống nhất giao cháu Quý cho bà Mai trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

2.3). Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Thạch Q không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Thạch Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom cháu Thạch Lê Quý mà không ai được cản trở.

2.4). Về tài sản chung: Bà Lê Thị Hồng M và ông Thạch Q tự khai không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

2.5). Về nợ chung: Bà Lê Thị Hồng M và ông Thạch Q tự khai không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

2.6). Lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Hồng M và ông Thạch Q mỗi người đồng ý chịu 150.000 đồng; Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí do ông Quên và bà Mai đã nộp theo các biên lai thu số **0001940 và 0001941 cùng ngày 09/7/2018** của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S.

3). Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4). Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh S;
- VKSNDTP S;
- Chi cục THADS - TPST;
- UBND huyện M, tỉnh N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quốc Định